TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: **35**/2017/ST-HNGĐ
Ngày: 08/8/2017
Về tranh chấp: "*Ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
…… o0o ……

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Lê Văn Trung**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Bà Trần Xuân Đạm**
Bà Ngô Thị Thùy Trang

Thư ký phiên tòa: **Bà Mai Thị Kim Loan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thủy Tiên** - Kiểm sát viên

Ngày 08/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 189/2017/TLST- HNGĐ ngày 19/7/2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N**, sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ: tổ 8, ấp TX, xã MC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh

* ***Bị đơn:*** **Ông Võ Ngọc S,** sinh năm 1972 (vắng mặt)
HKTT: tổ tổ 8, ấp TX, xã MC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh
Nơi ở: tổ 7, ấp C, xã LT, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Ngọc S tự nguyện chung sống từ năm 1993 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Võ Ngọc S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nên hai người đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Bà Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Ngọc S.

Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung tên là Võ Thị E, sinh ngày 05/5/1994, Võ Thị Bảo Q, sinh ngày 18/4/1997, Võ Thị Đ, sinh ngày: 01/02/2000. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị N xin được nuôi cháu Võ Thị Đ cho đến khi cháu Võ Thị Đ trưởng thành, không yêu cầu ông Võ Ngọc S cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N rút yêu cầu về việc giải quyết nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Ngọc S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Võ Ngọc S trình bày: Ông Võ Ngọc S thống nhất với bà Nguyễn Thị N về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân. Nay bà Nguyễn Thị N có yêu cầu ly hôn, ông Võ Ngọc S cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Ông Võ Ngọc S và bà Nguyễn Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh xác định trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Võ Ngọc S là vợ chồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Ngọc S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống tuy có đủ điều kiện nhưng bà Nguyễn Thị N và ông Võ Ngọc S vẫn không đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Võ Ngọc S không tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về điều kiện kết hôn. Xét cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Võ Ngọc S là vợ chồng.

2. Về con chung: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N rút yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Xét việc rút yêu cầu của bà Nguyễn Thị N là tự nguyện nên được chấp nhận

3. Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Ngọc S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị N số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 14, các Điều 51, 53, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 .

- Áp dụng Khoản 4 Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Võ Ngọc S là vợ chồng.

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu giải quyết về quan hệ con chung do bà Nguyễn Thị N rút yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0014780 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Ngọc S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Lộc Ninh;*
- *CC.THADS huyện Lộc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trung